

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN PHÚ TÂN
TỈNH CÀ MAU**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 49/2020/DS-ST

Ngày 22 - 6 - 2020

V/v Tranh chấp hợp đồng
mua bán tài sản.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN PHÚ TÂN, TỈNH CÀ MAU**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Thành Phước.

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Trần Hoàng Giang.

Ông Trần Quốc Toàn.

- Thư ký phiên tòa: Bà Đoàn Thị Tú là Thư ký Tòa án nhân dân huyện Phú Tân, tỉnh Cà Mau.

Ngày 22 tháng 6 năm 2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Phú Tân xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 82/2020/TLST-DS, ngày 21 tháng 02 năm 2020, về việc “Tranh chấp hợp đồng mua bán tài sản”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 109/2020/QĐXXST-DS, ngày 21 tháng 5 năm 2020, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Ông Nguyễn Việt S, sinh năm 1977 (có mặt).

Nơi cư trú: Khóm A, thị trấn C, huyện P, tỉnh C.

- Bị đơn: Bà Lê Thị Mộng K, sinh năm 1999 (vắng mặt).

Nơi cư trú: Ấp C, xã N, huyện P, tỉnh C.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Nguyên đơn là ông Nguyễn Việt S trình bày:

Vào ngày 14/3/2018, bà Lê Thị Mộng K có mua tủ lạnh tại cửa hàng của ông. Bà K yêu cầu trả góp hàng tháng, mỗi tháng trả góp số tiền 500.000 đồng, thời hạn trả góp 10 tháng. Như vậy, tổng số tiền bà K phải góp cho ông là 5.000.000 đồng, nếu trả trễ phải chịu phí nhắc nợ. Quá trình mua bán có làm hợp đồng, bà K có ký tên vào hợp đồng. Bà K đã trả được 04 lần theo phiếu thanh toán, cụ thể như sau: ngày 20/4/2019 trả 500.000 đồng; ngày 06/7/2019 trả 500.000 đồng; ngày 18/7/2019 trả 500.000 đồng; ngày 02/9/2019 trả 500.000 đồng. Như vậy, phần mua tủ lạnh còn nợ lại số tiền 3.000.000 đồng.

Vào ngày 12/4/2019, bà Lê Thị Mộng K có mua 01 điện thoại di động hiệu ViVo của hàng của ông. Bà K yêu cầu trả góp hàng tháng, mỗi tháng trả góp số tiền 600.000 đồng, thời hạn trả góp 07 tháng. Như vậy, tổng số tiền bà K phải góp cho ông là 4.200.000 đồng, nếu trả trễ phải chịu phí nhắc nợ. Quá trình mua bán có làm hợp đồng, bà K có ký tên vào hợp đồng. Bà K đã trả được 05 lần theo phiếu thanh toán, cụ thể như sau: ngày 13/5/2019 trả 600.000 đồng; ngày 17/6/2019 trả 600.000 đồng; ngày 18/7/2019 trả 600.000 đồng; ngày 24/8/2019 trả 600.000 đồng; ngày 19/9/2019 trả 600.000 đồng. Như vậy, phần mua điện thoại còn nợ lại số tiền 1.200.000 đồng.

Vào ngày 13/4/2019, bà Lê Thị Mộng K có mua 01 điện thoại di động hiệu ViVo của hàng của ông. Bà K yêu cầu trả góp hàng tháng, mỗi tháng trả góp số tiền 650.000 đồng, thời hạn trả góp 06 tháng. Như vậy, tổng số tiền bà K phải góp cho ông là 3.900.000 đồng, nếu trả trễ phải chịu phí nhắc nợ. Quá trình mua bán có làm hợp đồng, bà K có ký tên vào hợp đồng. Bà K đã trả được 04 lần theo phiếu thanh toán, cụ thể như sau: ngày 13/5/2019 trả 650.000 đồng; ngày 18/6/2019 trả 650.000 đồng; ngày 18/7/2019 trả 650.000 đồng; ngày 24/8/2019 trả 650.000 đồng. Như vậy, phần mua điện thoại còn nợ lại số tiền 1.300.000 đồng.

Vào ngày 18/9/2019, bà Lê Thị Mộng K có mua 01 điện thoại di động hiệu ViVo của hàng của ông. Bà K yêu cầu trả góp hàng tháng, mỗi tháng trả góp số tiền 1.300.000 đồng. Như vậy, tổng số tiền bà K phải góp cho ông là 6.500.000 đồng, nếu trả trễ phải chịu phí nhắc nợ.

Quá trình mua bán có làm hợp đồng, bà K có ký tên vào hợp đồng, biên nhận. Như vậy, tổng số tiền bà K còn nợ lại là 12.000.000 đồng. Từ khi còn nợ đến nay, tôi có liên hệ đòi nhưng bà K cứ hẹn, cố tình trốn tránh nghĩa vụ trả nợ. Vì vậy, ông yêu cầu Tòa án giải quyết buộc bà Lê Thị Mộng K trả số tiền còn nợ là 12.000.000 đồng (mười hai triệu đồng).

Bị đơn là bà Lê Thị Mộng K đã được triệu tập hợp lệ nhiều lần nhưng vắng mặt, không cung cấp lời khai chứng cứ.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1]. Về tố tụng: Việc ông Nguyễn Việt S khởi kiện bà Lê Thị Mộng K trả tiền từ việc bà Lê Thị Mộng K có mua điện thoại còn nợ nên đây là tranh chấp hợp đồng mua bán tài sản theo quy định tại khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35 của Bộ luật Tố tụng dân sự và thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án. Bà Lê Thị Mộng K được triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng vắng mặt không có lý do, căn cứ khoản 3 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự xét xử vắng mặt đối với bà Lê Thị Mộng K.

[2]. Xét về quan hệ tranh chấp: Ông Nguyễn Việt S xác định bà Lê Thị Mộng K có thỏa thuận mua điện thoại sử dụng còn nợ của ông tổng số tiền là 12.000.000 đồng. Bà Lê Thị Mộng K là người ký tên vào biên nhận nợ. Từ đó, có

căn cứ xác định đây là quan hệ tranh chấp hợp đồng mua bán tài sản được quy định tại Điều 430 và Điều 440 của Bộ luật Dân sự.

[3]. Về nội dung: Ông Nguyễn Việt S xác định là ông đã thỏa thuận mua bán đối với bà Lê Thị Mộng K. Quá trình mua bán có làm hợp đồng, bà K có ký tên vào hợp đồng, biên nhận. Như vậy, tổng số tiền bà K còn nợ lại là 12.000.000 đồng. Từ khi còn nợ đến nay, tôi có liên hệ đòi nhưng bà K cứ hên, cố tình trốn tránh nghĩa vụ trả nợ. Để chứng minh cho lời trình bày của mình, ông Nguyễn Việt S đã cung cấp giấy biên nhận và phiếu thanh toán có nội dung bà Lê Thị Mộng K còn nợ tổng số tiền là 12.000.000 đồng.

[4]. Đối với bà Lê Thị Mộng K không có ý kiến gì về nội dung khởi kiện và chứng cứ do ông Nguyễn Việt S cung cấp và cũng không có yêu cầu phản tố.

[5]. Do bà Lê Thị Mộng K đã vi phạm nghĩa vụ trả nợ theo hợp đồng đã ký kết nên chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Nguyễn Việt S và buộc bà Lê Thị Mộng K phải trả toàn bộ số tiền từ việc mua bán còn nợ là 12.000.000 đồng cho ông Nguyễn Việt S là có cơ sở.

[6]. Về án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch: Bà Lê Thị Mộng K phải chịu theo quy định tại khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về án phí và lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 3 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35 của Bộ luật Tố tụng dân sự; khoản 2 Điều 26 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về án phí và lệ phí Tòa án. Áp dụng các điều 430, 440 của Bộ luật Dân sự.

1. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của ông Nguyễn Việt S. Buộc bà Lê Thị Mộng K trả cho ông Nguyễn Việt S số tiền là 12.000.000 đồng (mười hai triệu đồng).

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất được quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự.

2. Về án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch: Buộc bà Lê Thị Mộng K phải chịu 600.000 đồng (sáu trăm nghìn đồng).

Ông Nguyễn Việt S được nhận lại số tiền đã nộp tạm ứng án phí là 300.000 đồng theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0019890 ngày 21 tháng 02 năm 2020 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Phú Tân, tỉnh Cà Mau.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 của Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi

hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 của Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật Thi hành án dân sự.

Ông Nguyễn Việt S có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Bà Lê Thị Mộng K có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được tổng đạt hợp lệ.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- VKSND huyện Phú Tân;
- Phòng KTNV&THA;
- Chi cục THADS huyện Phú Tân;
- Lưu hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Thành Phước